

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 351/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 30-3-2018

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hậu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nhung

2. Ông Nguyễn Đình Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 68/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1260/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Dương Ngọc P**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông **Võ Hoàng Bảo P1**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Japan.

(Các đương sự đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/01/2018 và trong quá trình tố tụng, bà Dương Ngọc Phương - nguyên đơn trình bày:

Năm 2010, bà và ông Võ Hoàng Bảo P1 tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Tổng lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Osaka, Nhật Bản (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyền số I/2011 ngày 31/3/2011).

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng sau đó có nhiều mâu thuẫn, bất hòa không thể hàn gắn được do khác biệt về tính cách, lối sống, quan điểm sống. Nhận thấy cả hai không thể tiếp tục chung sống được với nhau nữa nên bà yêu cầu được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông P1 có 01 con chung tên Võ Ngọc Bảo L (nam); sinh ngày 02/02/2011. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà và ông P1 tự thỏa thuận.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phương không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Võ Hoàng Bảo P1 trình bày: Ông thống nhất với lời khai của bà Dương Ngọc P về thời gian kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng. Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà P.

Về con chung: Ông đồng ý giao trẻ Võ Ngọc Bảo L (nam); sinh ngày 02/02/2011 cho bà Dương Ngọc P trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông và bà P tự thỏa thuận.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông P1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Dương Ngọc P và ông Võ Hoàng Bảo P1 là Ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có nơi cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh; bị đơn có nơi cư trú tại Nhật Bản nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Trong quá trình tố tụng, sau khi cung cấp lời khai và trình bày ý kiến, nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử nhận thấy việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa không gây ảnh hưởng hoặc làm thay đổi nội dung vụ án đồng thời phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số I/2011 ngày 31/3/2011 do Tổng lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Osaka, Nhật Bản cấp thì quan hệ hôn nhân giữa bà Dương Ngọc P và ông Võ Hoàng Bảo P1 là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của bà Dương Ngọc P và ông Võ Hoàng Bảo P1 thì trong thời gian chung sống cả hai đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không giải quyết được, ông P1 đã về Nhật Bản để sinh sống. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông P1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà P yêu cầu được ly hôn và phía ông P1 cũng đồng ý, đây là yêu

cầu chính đáng đồng thời phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Bà P1 và ông P1 có 01 con chung tên Võ Ngọc Bảo L (nam); sinh ngày 02/02/2011. Bà P yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, ông P1 đồng ý giao con chung bà P trực tiếp nuôi dưỡng, căn cứ lời trình bày của trẻ Võ Ngọc Bảo L thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà P phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và tài sản chung: Bà Dương Ngọc P và ông Võ Hoàng Bảo P1 khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Dương Ngọc P phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Dương Ngọc P.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Ngọc P được ly hôn với ông Võ Hoàng Bảo P1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số I/2011 ngày 31/3/2011 của Tổng lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Osaka, Nhật Bản không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao trẻ Võ Ngọc Bảo L (nam); sinh ngày 02/02/2011 cho bà Dương Ngọc P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì quyền lợi mọi mặt của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bà Dương Ngọc P chịu số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2017/0048840 ngày 09/02/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phương không phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm.

3. Áp dụng Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bà Dương Ngọc P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Ông Võ Hoàng Bảo P1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hậu